

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Thuận

2. Bà Trương Thị Hương Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ, Tòa án nhân dân khu vực 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2002 tại xã Đ, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn C, xã ĐH, huyện S, thành phố Hà Nội nay là thôn C, xã Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn KH, sinh năm 1974 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án: 02.

+ Tại bản án số 45/2022/HSST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 xử phạt Nguyễn Văn T 10 tháng 20 ngày tù, trả tự do ngay tại phiên tòa về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí HSST 200.000đ, đã chấp hành xong án phí HSST, DSST ngày 21/12/2022, chưa chấp hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại, chưa được xóa án.

+ Tại bản án số 54/2023/HS-ST ngày 9/5/2023 của Tòa án nhân dân quận TH, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (tái phạm) xử phạt Nguyễn Văn T 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí HSST 200.000đ. Chấp hành xong ra trại 8/9/2024, đã chấp hành xong án phí ngày 9/5/2023, chưa được xóa án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

2. Họ và tên **Vũ Văn T2**, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2005 tại xã Đ, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn KH, xã KL, huyện S, thành phố Hà Nội nay là thôn KH, xã Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Vũ Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2025 đến ngày 23/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 3/7/2025 bị cáo phạm tội mới trộm cắp tài sản tại xã S, thành phố Hà Nội, đến ngày 18/7/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội khởi tố, tạm giam. Hiện T2 đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị hại: Chị Phạm Thị Thời TR, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ YM, phường X, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Cao Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn TN, xã TX, huyện S, thành phố Hà Nội nay là thôn TN, xã TX, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè từ trước nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/5/2025, Nguyễn Văn T sử dụng tài khoản zalo của T có tên “NL” đăng ký bởi số điện thoại 0975.696.602 đang đăng nhập trên điện thoại di động nhãn hiệu: Apple, loại: Iphone 12, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0975.696.602 của T gọi đến tài khoản zalo có tên “Vvt” đăng ký bởi số điện thoại 0984.341.806 của Vũ Văn T2 để rủ T2 đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu sài, T2 đã đồng ý (T2 sử dụng 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu: Apple, loại: Iphone 12 ProMax, màu: Xanh, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0984.341.806 để đăng nhập tài khoản zalo liên lạc với T). Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: Vision, màu trắng, biển kiểm soát 29S6-946.14 của T2 đến phòng trọ của T ở thôn XB, xã QT, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã Đ, thành phố Hà Nội). Sau khi đến nơi, T2 để chiếc xe mô tô Honda Vision ở phòng trọ của T rồi T2 điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu: Xanh, BKS: 29S2- 031.61 của T chở T ngồi phía sau đi đến địa bàn phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) xem có ai sở hữu sẽ trộm cắp xe mô tô. Khi đi, T mặc áo cộc tay màu đen sau lưng áo ở phần vai có chữ “Christian Dior” màu trắng, quần bò dài màu đen, đi giày màu xanh, đội mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ bảo hiểm thời trang, đeo khẩu trang màu trắng; còn T2 mặc áo khoác đồng phục học sinh màu xanh - trắng, quần dài màu đen, đầu

không đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang màu trắng, đeo giày màu trắng xanh có dây. Khoảng gần 19 giờ 00 phút cùng ngày khi đi đến phường X thì T và T2 phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave A, màu: Trắng, BKS: 28FM - 010.07 của chị Phạm Thị Thời TR, sinh năm 2002 trú tại xã MH, huyện MC, tỉnh Hòa Bình được dựng bằng chân trống phụ trên vỉa hè trước cửa sổ nhà 68A, đường V thuộc phường X, phần đầu chiếc xe mô tô này hướng vào trước cửa nhà (cửa nhà lúc này 1 cánh mở ra ngoài và 01 cánh đang đóng), phần đuôi xe mô tô này hướng ra lòng đường V. Lúc này, T quan sát xung quanh không có người và thấy chiếc xe không khóa cổ, khóa càng nên T xuống xe lên lút tiến lại gần vị trí chiếc xe mô tô BKS: 28FM - 010.07, T sử dụng cả hai tay, lấy dây điện trần chuẩn bị sẵn dài khoảng 10cm gấp đôi lại, giựt dây điện ở ổ khóa ra rồi cắm dây điện trần vào vị trí gọi là “bao diêm” của ổ khóa để đầu điện ở khu vực đầu xe mô tô BKS: 28FM - 010.07, còn T2 ngồi trên xe cảnh giới cho T, nếu có ai phát hiện thì T2 sẽ báo hiệu cho T biết và T sẽ chạy ra xe ngồi lên phía sau để T2 chở và tẩu thoát. Khi T đầu điện xong thì ngồi lên xe mô tô BKS: 28FM - 010.07 đề ga, xe nổ máy thì T2 điều khiển chiếc xe mô tô đi trước, T điều khiển chiếc xe mô tô BKS: 28FM - 010.07 đi phía sau. T điều khiển chiếc xe mô tô BKS: 28FM - 010.07 đến khu vực đường đi được trải nhựa áp phan hai bên đường là cánh đồng thuộc xã MP, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã K, thành phố Hà Nội) thì T và T2 đều dừng xe lại ở bên phải đường. Khi này xe T vừa trộm cắp được dừng trước xe của T2 điều khiển; T nói với T2 là “mở cốp xe BKS 29S2- 031.61 để lấy cờ lê tháo biển” thì T2 mở cốp xe T lấy 01 chiếc cờ lê loại (10-12) mà T đã chuẩn bị sẵn từ trước tháo chiếc BKS: 28FM - 010.07 được gắn ở chiếc xe này ra rồi T vút xuống cánh đồng lúa bên phải đường. Do trời tối nên T và T2 không nhớ rõ chính xác được vị trí biển số vút ở đâu. Sau đó, T và T2 mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đi thẳng về phía phòng trọ của T. Trên đường đi, T và T2 thống nhất khi nào bán được chiếc xe mô tô trộm cắp nêu trên thì T sẽ chia tiền cho T2 sau. Sau khi về đến phòng trọ, T2 điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision của T2 đi về, còn T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi ra khu vực cánh đồng thuộc xã QT, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã NB, thành phố Hà Nội) và giấu chiếc xe mô tô này tại đây rồi đi bộ về phòng trọ (tuy nhiên, T khai nhận hiện không nhớ rõ vị trí cánh đồng nơi T giấu chiếc xe mô tô trộm cắp nêu trên).

Đến trưa ngày 12/5/2025, T mang theo biển số xe mô tô: 29S6- 511.02 đi ra khu vực cánh đồng nơi giấu xe trộm cắp trước đó và lắp biển số xe này vào xe trộm cắp rồi đầu điện đề nổ máy xe và điều khiển xe đi ăn sáng ở khu vực Khu công nghiệp XB của xã QT (nay là xã NB) thì gặp 01 người đàn ông khoảng ngoài 40 tuổi đi xe máy dạng xe sirius (không rõ biển kiểm soát) có mang theo đồ đánh khóa. Thấy vậy, T bảo người này đánh chìa khóa xe cho T thì người này đồng ý và đánh cho T 01 chiếc chìa khóa để mở máy xe trộm cắp được của chị Phạm Thị Thời TR và T trả tiền công cho người này số tiền 100.000đ. Sau đó, T điều khiển xe đi về phòng trọ của mình. Khoảng 08 giờ ngày 13/05/2025, khi T

đang nghỉ ở nhà trọ thì Công an phường X và Công an xã QT đến kiểm tra, phát hiện chiếc xe mô tô mà T và T2 trộm cắp được tại phường X nên Công an phường X đã đưa T cùng những người liên quan và chiếc xe mô tô trên về trụ sở để xác minh, giải quyết theo quy định. Sau khi biết bị cơ quan Công an triệu tập, T2 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20/5/2025, T2 đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Phú Thọ) xin đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân cùng đồng phạm để mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T và Vũ Văn T2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave A, màu: Trắng, BKS: 28FM - 010.07 của chị Phạm Thị Thời TR phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên (cũ) kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô nêu trên tại thời điểm bị trộm cắp là 14.000.000đ. Đối với 01 chiếc biển kiểm sát BKS: 28FM - 010.07 không thu giữ được. Tại biên bản làm việc tại phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ xác định lệ phí đăng ký cấp biển mới là 150.000đ; cấp lại biển là 50.000đ.

Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV8 ngày 22 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và Vũ Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2025. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 20/5/2025 đến ngày 23/5/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại chị Phạm Thị Thời TR vắng mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc bị cáo các bị cáo lấy trộm chiếc xe của chị, đến nay đã nhận lại toàn bộ tài sản không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị L vắng mặt tại phiên tòa xác nhận biển số xe mô tô mang biển kiểm soát: 29S6- 511.02 chị vẫn đang

sử dụng chiếc biển kiểm soát từ thời điểm mua và đăng ký đến nay không bị mất trộm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Công an tỉnh Phú Thọ), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/5/2025 tại số nhà 68A, đường V thuộc Tổ 5, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc nay là phường X, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn T cùng với Vũ Văn T2 có hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28FM-010.07 nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave A, màu: Trắng, số khung: RLHJA3931RY038805, số máy: JA70E0313858, đã qua sử dụng có trị giá 14.200.000đ của chị Phạm Thị Thờ TR.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn T** đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo **Vũ Văn T2** đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1, 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm

...

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp

luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này Nguyễn Văn T là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện tội phạm; Vũ Văn T2 giữ vai trò đồng phạm, trực tiếp thực hiện hành vi.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Trước khi phạm tội bị cáo T có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T2 mặc dù có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên vì lợi ích của bản thân mà lao vào con đường phạm tội, bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng lại lười lao động, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo đang bị tạm giam để điều tra về tội danh khác, điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù một thời gian theo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra chỉ TR đã nhận lại xe do các bị cáo trộm cắp, đối với 01 chiếc biển kiểm sát BKS: 28FM - 010.07 không thu giữ được, tại biên bản làm việc tại phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ xác định lệ phí đăng ký cấp biển mới là 150.000đ; cấp lại biển là 50.000đ. Chị Phạm Thị Thời TR không yêu cầu đề nghị T và T2 bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave A, màu: Trắng, số khung: RLHJA3931RY038805, số máy: JA70E0313858, xe đã cũ và đã qua sử dụng; 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 28 001927 do Công an huyện MC, tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) cấp ngày 17/6/2024. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản mà T và T2 đã trộm

cấp của chị Phạm Thị Thời TR nên ngày 20.6.2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại chiếc xe nêu trên (không kèm biển kiểm soát) cho chị TR đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với 01 (Một) chiếc biển số xe mô tô mang biển kiểm soát: 29S6-511.02, đây là chiếc biển số xe được gắn vào chiếc xe mô tô mà Nguyễn Văn T và Vũ Văn T2 đã trộm cắp của chị Phạm Thị Thời TR trong vụ án trên. Quá trình điều tra T khai nhận nhặt được chiếc biển số nêu trên tại khu vực đường xã QT, S, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội). Kết quả tra cứu trên hệ thống xác định chủ sở hữu được đăng ký đứng tên biển kiểm soát nêu trên là chị Cao Thị L, hiện nay chị L vẫn đang sử dụng chiếc biển kiểm soát này từ thời điểm mua và đăng ký đến nay không bị mất trộm. Vì vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Apple, loại: Iphone 12, số IMEI: 355984571186481, số IMEI 2: 355984571207881, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thẻ bao 0975.696.602, điện thoại đã cũ và đã qua sử dụng, chiếc điện thoại bên trong gắn thẻ sim này được T sử dụng để liên lạc và trao đổi với Vũ Văn T2 trong quá trình trộm cắp tài sản nêu trên. Quá trình điều tra xác định là tài sản của T2 liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (Một) chiếc áo cộc tay dạng sơ mi màu đen, phần ngực áo có họa tiết màu trắng, phần lưng áo có họa tiết màu trắng cùng dòng chữ “Christian Dior”, áo đã cũ và đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc quần bò dài màu đen, tại vị trí túi quần phía sau bên phải có họa tiết màu trắng cùng dòng chữ “BURBERRY LONDON ENGLAND”, quần đã cũ và đã qua sử dụng và 01 (Một) đôi giày lười màu xanh dương nhạt, giày đã cũ và đã qua sử dụng. Chiếc áo, quần và đôi giày trên là trang phục mà Nguyễn Văn T sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản nêu trên xác định là tài sản cá nhân của T nên cần trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 (Một) chiếc quần bò dài màu xanh, túi quần phía trước bên trái có ký hiệu chữ và số “D2” màu đen, quần đã cũ và đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi giày thể thao màu trắng-xanh, có dây buộc, giày đã cũ và đã qua sử dụng. Chiếc quần và đôi giày trên là trang phục mà Vũ Văn T2 sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản nêu trên xác định là tài sản cá nhân của T2 nên cần trả lại cho bị cáo T2.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu: Xanh, BKS: 29S2- 031.61 là phương tiện T2 và T sử dụng đi trộm cắp tài sản ngày 11/5/2025. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của T mua vào tháng 4 năm 2025 của một người đàn ông không quen biết ở Bắc Giang với giá 3.000.000đ, xe không có giấy tờ gì, sau khi dùng để đi trộm cắp ngày 11/5/2025 tại X, Phú Thọ thì đêm ngày 11/5/2025 T đã bán chiếc xe nêu trên cho một người đàn ông không quen biết tại thị trấn CH, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã YP, tỉnh Bắc Ninh) với giá 3.000.000đ, nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000đ đối với T.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu: Apple, loại: Iphone 12 ProMax, màu: Xanh, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0984.341.806 là phương tiện T2 sử dụng để liên lạc với T rủ nhau đi trộm cắp tài sản quá trình điều tra xác định Tuấn đã làm rơi mất trong quá trình bỏ trốn, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 đoạn dây điện khoảng 10cm; 01 cà lê loại 10x12 là công cụ T sử dụng để thực hiện việc trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp T đã vứt những tài sản nêu trên nên không thu giữ được.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: Vision, màu: Trắng, biển kiểm soát 29S6-946.14 là phương tiện T2 sử dụng để đi đến phòng trọ T nhưng không sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định T2 đã bán chiếc xe nêu trên cho một người không quen biết tại Hà Nội với giá 4.000.000đ, xác định đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, không thu giữ được nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02 (Hai)** năm **09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 **01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 20/5/2025 đến ngày 23/5/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc biển số xe mô tô mang biển kiểm soát: 29S6- 511.02.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Apple, loại: Iphone 12, số IMEI: 355984571186481, số IMEI 2: 355984571207881, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0975.696.602, điện thoại đã cũ và đã qua sử dụng. Điện thoại được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc nay là Công an tỉnh Phú Thọ giám định theo Kết luận giám định số 1508/KL-KTHS ngày 25/6/2025 và biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 26/6/2025.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) chiếc áo cộc tay dạng sơ mi màu đen, phần ngực áo có họa tiết màu trắng, phần lưng áo có họa tiết màu trắng cùng dòng chữ “Christian Dior”, áo đã cũ và đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc

quần bò dài màu đen, tại vị trí túi quần phía sau bên phải có họa tiết màu trắng cùng dòng chữ “BURBERRY LONDON ENGLAND”, quần đã cũ và đã qua sử dụng và 01 (Một) đôi giày lười màu xanh dương nhạt, giày đã cũ và đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn T2 01 (Một) chiếc quần bò dài màu xanh, túi quần phía trước bên trái có ký hiệu chữ và số “D2” màu đen, quần đã cũ và đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi giày thể thao màu trắng - xanh, có dây buộc, giày đã cũ và đã qua sử dụng.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Phú Thọ).

Truy thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8;
- CQTHAHS Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 8;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Lan